Tổng quan Các Hạng mục Đánh giá ONA

ĐÁNH GIÁ & THÔNG TIN NHÂN KHẨU HỌC

Thị lực: _____ Thính lực: _____

GIAO TIẾP

1. Các thiết bị và sở thích trong giao tiếp
2. Biểu hiện và Hiểu Ngôn ngữ

HOẠT ĐỘNG SINH HOẠT HÀNG NGÀY (ADLs)

3. Mặc quần áo (N/A dưới 4 tuổi)
4. Chuyển người và Tư thế (N/A dưới 3 tuổi)
5. Di chuyển (N/A dưới 3 tuổi)
6. Ăn uống và cho ăn bằng ống (N/A dưới 4 tuổi)
7. Đại, tiểu tiện (Đi vệ sinh) (N/A dưới 4 tuổi)
8. Tắm rửa (N/A dưới 5 tuổi)
9. Vệ sinh răng miệng (N/A dưới 5 tuổi)
10. Vệ sinh chung (N/A dưới 5 tuổi)
11. Thiết bị ADL

HOẠT ĐỘNG DUY TRÌ CUỘC SỐNG HÀNG NGÀY (IADLs)

12. Công việc nhà (N/A dưới 12 tuổi)
13. Chuẩn bị bữa ăn (N/A dưới 12 tuổi)
14. Giặt ủi (N/A dưới 12 tuổi)
15. Vận chuyển
    a. Vận chuyển (N/A dưới 12 tuổi)
    b. Chuyển xe (N/A dưới 3 tuổi)
16. Quản lý tiền bạc (N/A dưới 12 tuổi)
17. Mua sắm nhẹ (N/A dưới 12 tuổi)

HÀNH VI

18. Làm tổn thương chính bản thân
19. Sự hung hăng hoặc đối kháng
20. Gây tổn thương đến động vật
21. Hung hăng với người khác qua lời nói
22. Hành vi xã hội không chấp nhận được
23. Thô bạo/tấn công tình dục
24. Phá hoại tài sản
25. Rời khỏi khu vực giám sát
26. Pica (ăn các chất không có chất dinh dưỡng) và/hoặc cho vào miệng những thứ không ăn được
27. Khó khăn trong việc điều chỉnh cảm xúc
28. Không chịu thực hiện ADL/IADL và/hoặc chăm sóc y tế
29. Tiêu thụ nhanh thức ăn hoặc thức uống
30. Rút về
31. Xâm nhập
32. Hay cho mình là nạn nhân
33. Liên lụy về mặt pháp lý
34. Các vấn đề hành vi khác
35. (Chỗ trống)
36. Mức thường xuyên của sự can thiệp
37. Các Hạng mục Hành vi Khác (Lệnh tòa án hoặc các hạn chế theo lệnh tòa án)
38. Vấn đề về lạm dụng chất gây nghiện
39. Kế hoạch Hỗ trợ Hành vi Tích cực (PBSP)

AN TOÀN

40. Nhận thức và Hỗ trợ Sự an toàn (N/A dưới 5 tuổi)
41. An toàn môi trường
42. Khả năng xảy ra lạm dụng, bỏ bê và bóc lột
    b. Rủi ro về bỏ bê bản thân (N/A dưới 18 tuổi)
    c. Có vấn đề với cơ quan phúc lợi trẻ em (N/A từ 18 tuổi trở lên)

Y TẾ

43. Hỗ trợ y tế chung
    a. Khuyến nghị chăm sóc y tế (N/A dưới 18 tuổi)
    e. Hỗ trợ trong các cuộc hẹn y tế (N/A dưới 18 tuổi)
44. Bệnh và chẩn đoán
45. Co giật và tiểu đường
46. Điều trị và liệu pháp
47. Thuốc
    c. Quản lý thuốc mem - thuốc uống (N/A dưới 18 tuổi)
    d. Quản lý thuốc men - thuốc hít/xịt (N/A dưới 18 tuổi)
    e. Quản lý thuốc men - thuốc tiêm (N/A dưới 18 tuổi)
    f. Quản lý thuốc men - thuốc xoa (N/A dưới 18 tuổi)
    g. Quản lý thuốc men - Thuốc đút (N/A dưới 18 tuổi)
    h. Quản lý thuốc men - thuốc truyền qua đường ống (N/A dưới 18 tuổi)